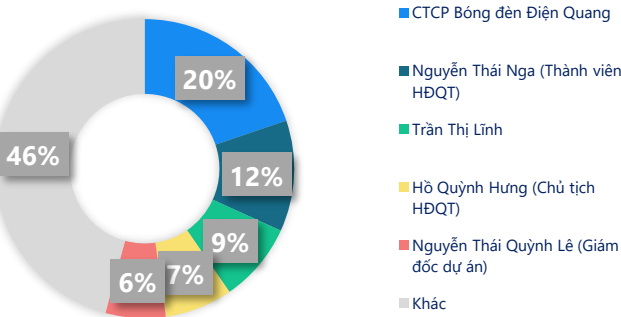


Hệ số Dupont là một công cụ phân tích tài chính giúp phân tích và hiểu rõ nguồn gốc của lợi nhuận dựa trên 5 nhân tố chính.

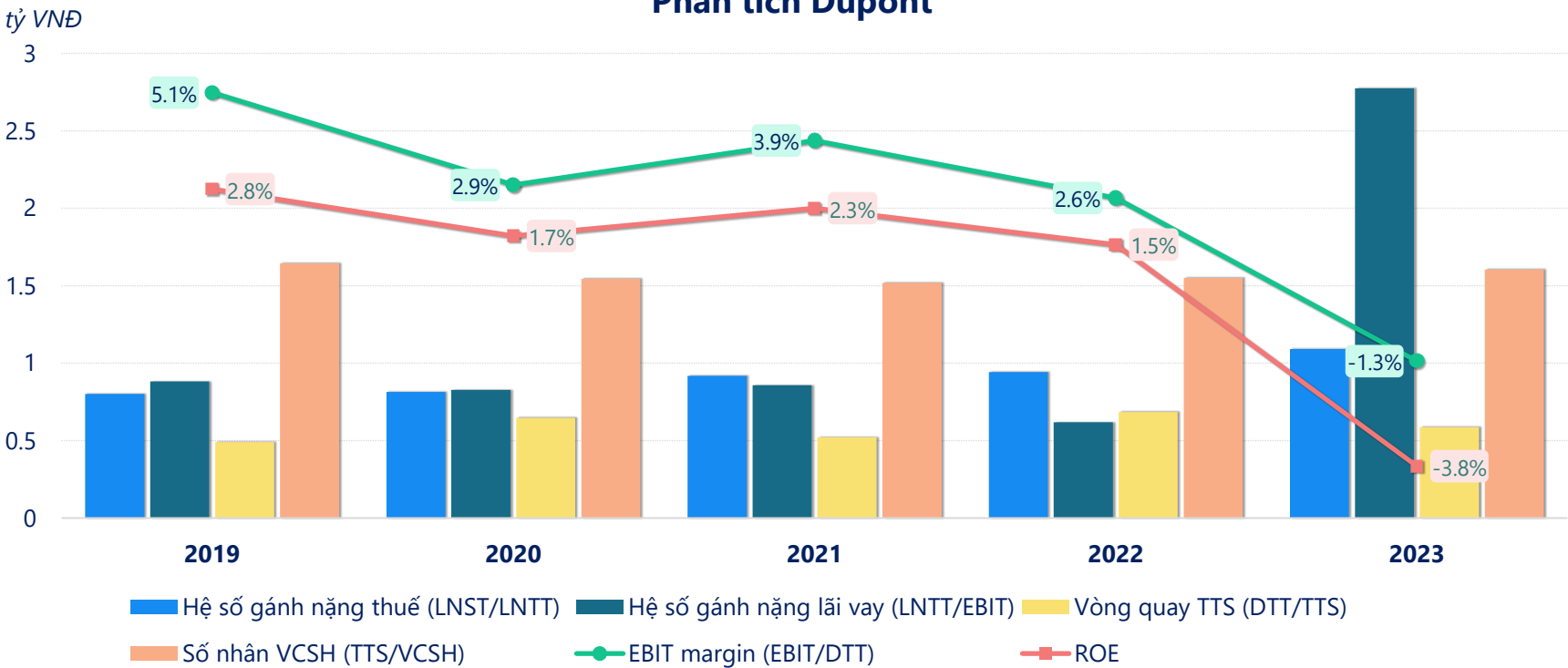
Thông tin giao dịch		29/12/2023
Giá hiện tại (VNĐ)		15,150
Sàn giao dịch		HSX
Khoảng giá 52 tuần		14,450 - 23,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		418
Số lượng CPLH (CP)		27,558,066
KLGD BQ 20 phiên (CP)		13,965
Sở hữu nước ngoài		0.8%
Beta		0.79
EPS		-1,158
P/E		-13.1

	YTD	1T	3T	6T
DQC	-14.6%	-1.0%	-13.7%	-21.7%
VNINDEX	8.2%	0.8%	1.4%	0.3%

Cơ cấu cổ đông



Phân tích Dupont



DT thuần

2023

859

tỷ VNĐ

YoY: ▼131| -13.2%

LN sau thuế

2023

-33.4

tỷ VNĐ

YoY: ▼48.3| -325%

ROE

2023

-3.8%

+/- YoY: ▼ 5.2%

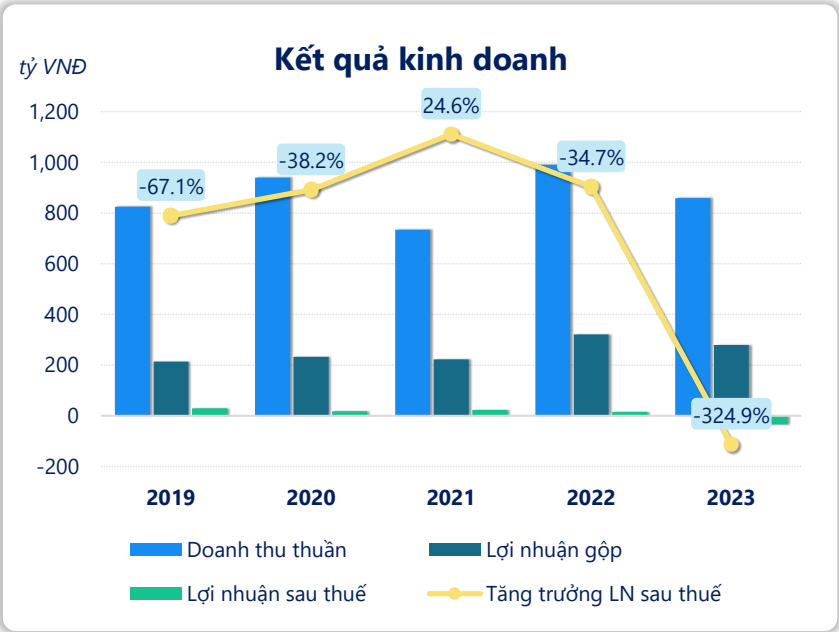
ROA

2023

-2.3%

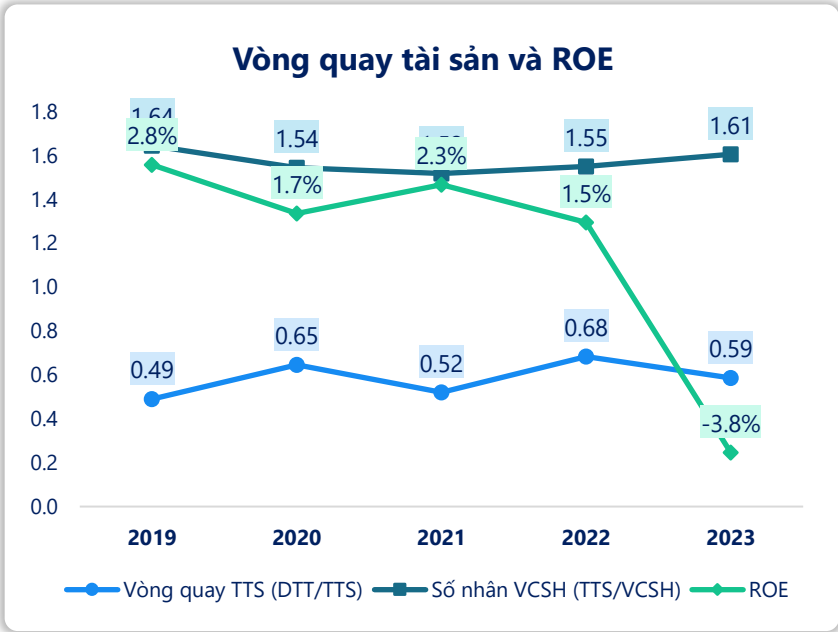
+/- YoY: ▼ 3.3%

CTCP Bóng đèn Điện Quang (HSX: DQC)



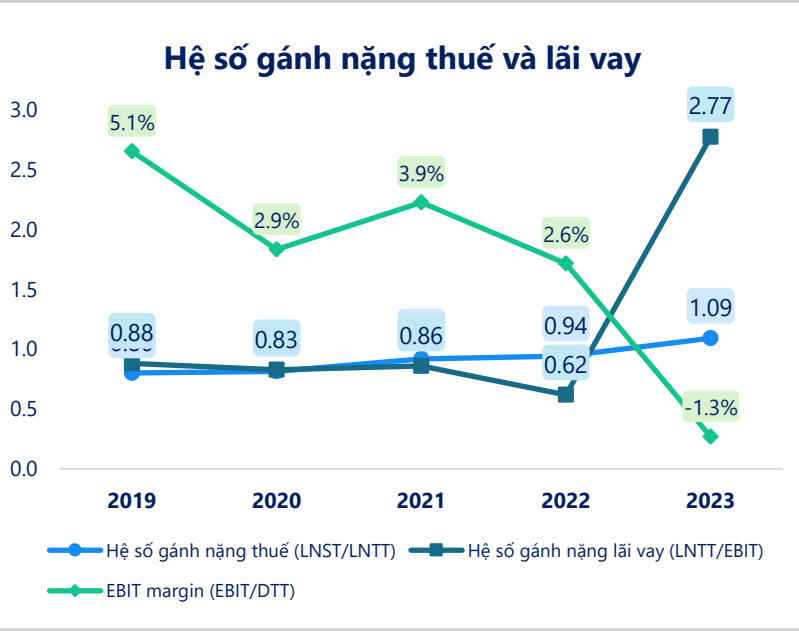
Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế và lãi vay (Ebit margin) bằng **-1.29%**, là tín hiệu tiêu cực cho thấy công ty đang gánh chịu lỗ từ hoạt động kinh doanh trước khi tính lãi suất. Điều này có thể khiến công ty đối mặt với áp lực tài chính do phải chi trả lãi suất mà không có nguồn thu nhập đủ lớn để đối phó.

Cần đánh giá chi tiết các yếu tố tác động để tìm ra các vấn đề cụ thể và áp dụng biện pháp phù hợp.



Năm **2023**, **DQC** ghi nhận doanh thu thuần **859.0** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **-33.41** tỷ đồng, lần lượt **giảm 13.2%** và **giảm 325%** so với năm trước.

Sự sụt giảm về doanh thu cùng với lợi nhuận âm, dẫn đến **ROE** bằng **-3.77%** là dấu hiệu cảnh báo của tình hình kinh doanh đang xấu đi.

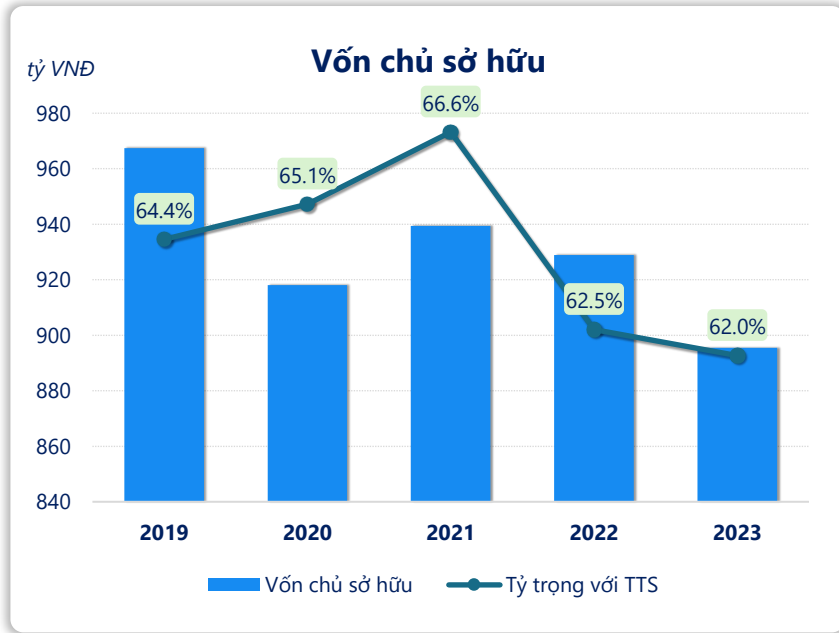
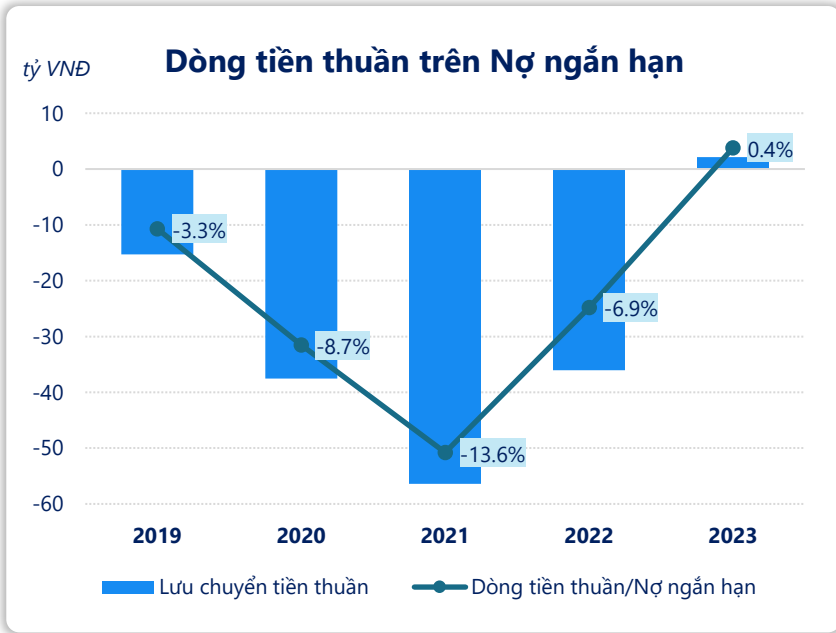
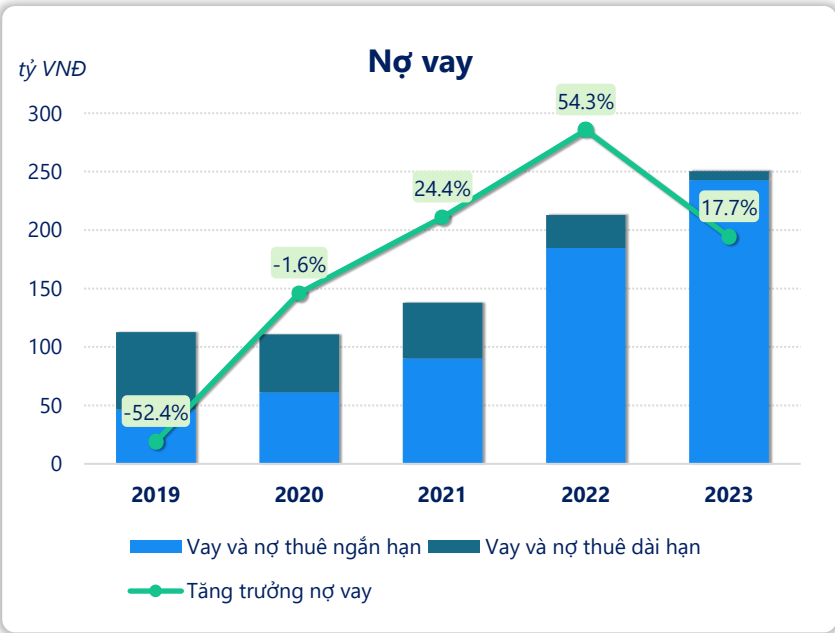
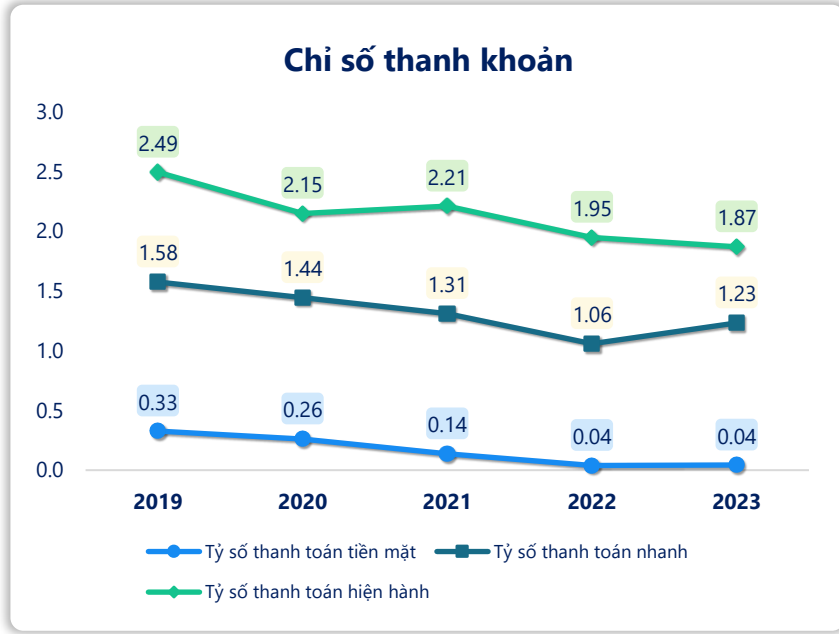
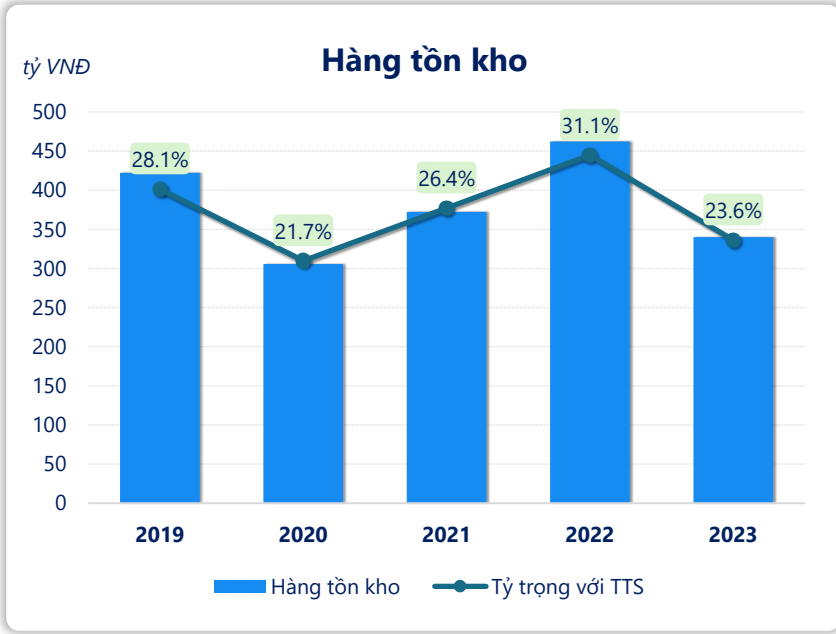
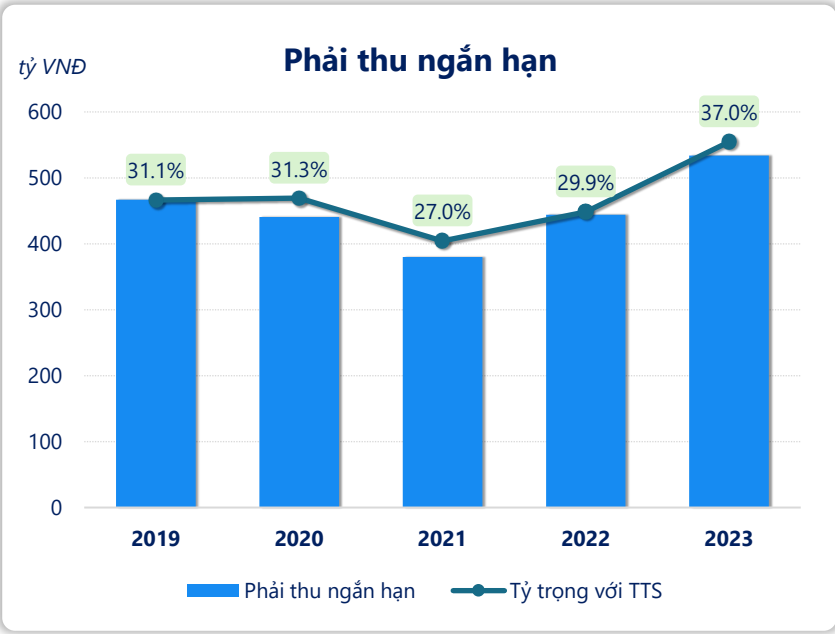


Vòng quay tổng tài sản đạt **0.59**, **giảm** so với năm trước thường phản ánh sự không hiệu quả trong quản lý và sử dụng tài sản.

Số nhân vốn chủ sở hữu **tăng lên** đến **1.61** cho thấy tỷ lệ Nợ/VCSH cao hơn năm trước. Cần xem xét sự thay đổi cấu trúc tài sản để đánh giá rủi ro tài chính.

Phân tích hệ số Dupont cần xem xét tổng thể tình hình tài chính của công ty trong từng giai đoạn để đưa ra kết luận đầy đủ và chính xác.

CTCP Bóng đèn Điện Quang (HSX: DQC)



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
Tổng tài sản	1,502	1,485	1.1%
Tài sản ngắn hạn	1,056	1,012	4.4%
Tiền và tương đương tiền	22.6	20.4	10.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	56.6	37.4	51.3%
Phải thu ngắn hạn	599	444	35.0%
Hàng tồn kho	331	462	-28.3%
Tài sản ngắn hạn khác	46.7	47.9	-2.6%
Tài sản dài hạn	445	473	-5.9%
Phải thu dài hạn	2.65	1.14	132%
Tài sản cố định	332	337	-1.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	4.24	31.2	-86.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	102	99.8	2.2%
Tài sản dài hạn khác	4.62	3.52	31.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	599	551	8.6%
Nợ ngắn hạn	548	519	5.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	243	185	31.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	47.0	140	-66.4%
Nợ dài hạn	50.2	32.1	56.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	7.69	28.1	-72.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	903	934	-3.3%
Vốn chủ sở hữu	898	929	-3.3%
Vốn điều lệ	344	344	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	5.09	5.09	0.0%

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	825	940	734	990	859
Giá vốn hàng bán	611	708	511	669	580
Lợi nhuận gộp	214	232	223	321	279
Doanh thu HĐTC	22.3	20.2	14.4	9.07	8.47
Chi phí TC	13.3	1.19	1.08	16.1	17.7
Chi phí lãi vay	4.94	4.69	4.09	9.74	19.6
LN trong công ty LKLD	-4.84	3.63	14.7	-6.76	0.45
Chi phí bán hàng	121	156	145	198	203
Chi phí QLDN	63.8	82.5	81.2	94.8	104
LN thuần từ HĐKD	33.0	16.3	24.6	13.9	-36.6
Lợi nhuận khác	3.91	6.16	0.15	1.84	5.99
LN trước thuế	36.9	22.4	24.8	15.8	-30.6
Lợi nhuận sau thuế	29.6	18.3	22.8	14.9	-33.4
LNST của CĐ cty mẹ	28.5	15.8	21.7	13.8	-34.4

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	21.7	48.9	-36.0	-80.8	-27.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	229	-58.6	-47.5	-4.79	-8.48
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-266	-27.9	27.1	49.6	37.7
Tiền đầu kỳ	166	150	113	56.5	20.4
Lưu chuyển tiền thuần	-15.3	-37.6	-56.4	-36.1	2.13
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.01	0.03	-0.09	0.10
Tiền cuối kỳ	150	113	56.5	20.4	22.6